

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **518/2019/KDTM-PT**

Ngày: 04/06/2019

V/v “Tranh chấp Hợp đồng mua bán
hàng hóa”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Nhàn

Các Thẩm phán: Ông Lê Công Toại

Bà Nguyễn Thị Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tâm

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Tôn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 tháng 5 và ngày 04 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 144/KDTMPT ngày 24 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 301/2018/KDTM-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1265/2019/QĐXX-PT ngày 20 tháng 03 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 2500/2019/QĐPT ngày 17/4/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH C

Địa chỉ: đường N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ N, địa chỉ: Cao ốc V, đường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 8 năm 2017).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Hồng D- Chủ Doanh nghiệp tư nhân H

Địa chỉ thường trú: đường T, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An; Địa chỉ trụ sở: đường Q, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Bà Trần Thị Hồng D - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 8 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn- Công ty TNHH C do bà Trần Thị Mỹ N đại diện trình bày:*

Công ty TNHH C (gọi tắt là Công ty C) và bà Trần Thị Hồng D-Chủ Doanh nghiệp tư nhân H (gọi tắt là bà Trần Thị Hồng D) ký hợp đồng phân phối số 67-HDPP-HDPP-B2C2017, ngày 01/12/2016, theo đó bà Trần Thị Hồng D đồng ý mua các sản phẩm dầu nhờn của Công ty C trên cơ sở là nhà phân phối độc quyền, hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 đến hết ngày 31/12/2017.

Thực hiện hợp đồng phân phối nói trên, Công ty C đã giao đầy đủ hàng hóa theo các đơn đặt hàng của bà Trần Thị Hồng D và hoàn tất nghĩa vụ của bên bán với tổng số hàng trị giá 468.209.419 đồng.

Tuy nhiên, bà Trần Thị Hồng D không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền hàng cho bên bán, cụ thể là tạm tính đến ngày 16/5/2017, bà D đã thanh toán số tiền 139.095.583 đồng, số tiền còn nợ là 330.113.836 đồng.

Ngày 30/6/2017, Công ty C và bà Trần Thị Hồng D cùng ký Thỏa thuận thanh toán nợ, theo đó, bà D đã xác nhận còn nợ Công ty C số tiền 330.113.836 đồng và số tiền này được thanh toán theo lộ trình dứt điểm vào ngày 25/9/2017. Nhưng bà D chỉ thanh toán được số tiền 90.000.000 đồng và từ đó đến nay không thanh toán thêm bất kỳ lần nào nữa.

Công ty C khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Hồng D phải thanh toán ngay cho Công ty C toàn bộ số tiền nợ gốc cùng với lãi chậm trả và các chi phí phát sinh liên quan tổng cộng là 359.238.906 đồng. Cụ thể như sau:

- Số nợ gốc còn lại là: 240.113.836 đồng; tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với mức lãi suất theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước là 63.915.963 đồng; số tiền phạt do vi phạm hợp đồng theo thỏa thuận tại hợp đồng là 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm là 19.209.107 đồng;

- Chi phí thuê Luật sư là 36.000.000 đồng.

Bị đơn- Bà Trần Thị Hồng D trình bày tại bản khai ngày 14/11/2017 như sau:

Bà D xác nhận bà là Chủ Doanh nghiệp tư nhân H có ký hợp đồng phân phối số 67-HDPP-HDPP-B2C 2017 ngày 01/12/2016 với công ty TNHH C. Xác nhận số nợ gốc còn phải trả cho nguyên đơn là 240.113.836 đồng. Bà D đồng ý trả số nợ gốc chậm nhất vào tháng 03/2018. Về số tiền lãi, tiền phạt vi phạm, chi phí phát sinh liên quan đến việc thu hồi nợ bà đề nghị phía Công ty không yêu cầu trả.

Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 301/2018/KDTM-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Công ty TNHH C.

Buộc bà Trần Thị Hồng D - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H phải thanh toán cho Công ty TNHH C các khoản nợ theo hợp đồng phân phối số 67-HDPP-HDPP-B2C 2017 ngày 01/12/2016, cụ thể như sau:

- Nợ gốc còn lại là: 240.113.836 (Hai trăm bốn mươi triệu một trăm mười ba nghìn tám trăm ba mươi sáu) đồng;

- Tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là: 63.915.963 (Sáu mươi ba triệu chín trăm mười lăm nghìn chín trăm sáu mươi ba) đồng;

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng theo thỏa thuận tại hợp đồng là: 19.209.107 (Mười chín triệu hai trăm lẻ chín nghìn một trăm lẻ bảy) đồng;

Tổng cộng là: 323.238.906 (Ba trăm hai mươi ba triệu hai trăm ba mươi tám nghìn chín trăm lẻ sáu) đồng.

Trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty TNHH C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị Hồng D - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H không trả khoản tiền trên thì hàng tháng bà Trần Thị Hồng D- Chủ Doanh nghiệp tư nhân H còn phải trả cho Công ty TNHH C tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH C về việc yêu cầu bà Trần Thị Hồng D - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H phải trả cho nguyên đơn tiền thuê Luật sư là 36.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm, ngày 28/11/2018 bà Trần Thị Hồng D nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, lý do không đồng ý với việc xét xử vắng mặt bà Trần Thị Hồng D tại phiên tòa, yêu cầu tòa án xét xử lại.

*** Tại phiên tòa Phúc thẩm:**

Người kháng cáo trình bày: Do bà đi làm ăn xa nên không biết việc tòa án có gửi giấy triệu tập bà đến phiên tòa. Việc Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xét xử vắng mặt, làm cho bà D không thể nêu được các yêu cầu của mình để được

cấn trừ vào số tiền phải trả cho nguyên đơn. Cụ thể bà D yêu cầu phía Công ty C phải xem xét lại trong quá trình thực hiện hợp đồng đã giảm trừ không đúng nhiều khoản tiền thưởng mà phía Doanh nghiệp của bà đáng ra phải được hưởng. Bà yêu cầu được xét xử lại hoặc hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét yêu cầu của bà. Đối với số tiền nợ gốc, lãi do chậm trả và tiền phạt tổng cộng là 323.238.906 đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên thì bà chấp nhận và không kháng cáo.

Đại diện nguyên đơn trình bày: Yêu cầu của bà D đưa ra tại cấp phúc thẩm là vượt quá phạm vi xét xử của cấp phúc thẩm nên đề nghị không xem xét. Việc tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt bà D là đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, kháng cáo của bà D là không có cơ sở nên nên đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên án sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng vụ án: các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về nội dung vụ án: Xét thấy khi cấp sơ thẩm tiến hành thủ tục niêm yết tại địa chỉ của Doanh nghiệp H và tại địa chỉ cư ngụ của bà Trần Thị Hồng D, thì tại các biên bản về việc không tiến hành tổng đạt được lập ngày 13/9/2018 và ngày 08/10/2018 đều không có xác nhận của đại diện tổ dân phố hoặc công an xã, phường thị trấn, là không đúng theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nên thuộc trường hợp vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Trần Thị Hồng D. Cụ thể là bà D không có mặt trong phiên tòa để trình bày bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy căn cứ khoản 2 Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử, nhận định:

[1] Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách của các đương sự đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Hồng D còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức và nội dung đúng quy định nên được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của bà Trần Thị Hồng D cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Quá trình tố tụng của cấp sơ thẩm thể hiện bà Trần Thị Hồng D nhận được thông báo thụ lý vụ án và đến tòa nộp bản khai vào ngày 14/11/2017, qua đó bà D xác nhận còn nợ công ty C số tiền là 240.113.836 đồng, bà đồng ý trả số nợ này chậm nhất tháng 3/2018, đồng thời đề nghị không tính tiền lãi, tiền phạt và chi phí thu hồi nợ như yêu cầu của Công ty C. Tuy nhiên, sau đó bà D vắng mặt không lý do tại các buổi hòa giải và xét xử mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, thể hiện qua:

- Biên bản tổng đạt trực tiếp ngày 23/11/2017 cho bà D giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 07/12/2017;

- Biên bản tổng đạt trực tiếp ngày 15/03/2018 cho bà D giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 23/03/2018;

- Biên bản niêm yết ngày 13/9/2018: quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đến tham dự phiên tòa xét xử vào ngày 04/10/2018;

- Biên bản niêm yết ngày 08/10/2018: quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến tham dự phiên tòa xét xử vào ngày 31/10/2018;

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D xác định địa chỉ đường T, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An là địa chỉ thường trú và địa chỉ đường Q, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An là địa chỉ trụ sở doanh nghiệp cho đến hiện nay. Tuy nhiên, do thời điểm tòa án đến tổng đạt quyết định xét xử thì bà đi làm ăn xa nên không có mặt ở 2 địa chỉ này và cũng không biết việc tòa án đến tổng đạt và niêm yết quyết định xét xử tại đây. Vì vậy, bà đã không có mặt khi tòa án sơ thẩm xét xử để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Lời trình bày này không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận bởi lẽ trước khi đưa vụ án ra xét xử tòa án cũng đã tổ chức hòa giải để các đương sự trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình nhưng bà D dù đã trực tiếp nhận giấy triệu tập 2 lần nhưng đều vắng mặt không lý do cả 2 lần hòa giải tại tòa. Việc bà D không có mặt ở nơi cư trú nhưng thông báo cho tòa án biết địa chỉ liên lạc do vậy việc tòa án tiến hành thủ tục niêm yết công khai quyết định xét xử tại địa chỉ thường trú và trụ sở doanh nghiệp theo quy định tại các Điều 177, 178, 179 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

Tại bản án sơ thẩm đã nhận định “DNTN H được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố

tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt DNTN H” là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm bà D thừa nhận và không kháng cáo về số tiền nợ gốc, lãi do chậm trả và tiền phạt tổng cộng là 323.238.906 đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên, nhưng bà có yêu cầu phía Công ty C phải xem xét lại trong quá trình thực hiện hợp đồng đã giảm trừ không đúng nhiều khoản tiền thưởng mà phía Doanh nghiệp của bà đáng ra phải được hưởng. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy yêu cầu này không được phía đại diện Công ty C chấp nhận và nội dung này chưa được bà D nêu ra và xem xét giải quyết tại cấp sơ thẩm nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp phúc thẩm. Bà D có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[5] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng khi lập “biên bản về việc không tiến hành tổng đạt được” trước khi tiến hành thủ tục niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa. Nhận thấy, căn cứ Bộ luật tố tụng dân sự:

Khoản 5 Điều 177 quy định: *“Trường hợp người được cấp, tổng đạt, thông báo vắng mặt mà không rõ thời điểm trở về hoặc không rõ địa chỉ nơi cư trú mới của họ thì người thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo phải lập biên bản về việc không thực hiện được việc cấp, tổng đạt, thông báo, có xác nhận của đại diện tổ dân phố hoặc Công an xã, phường, thị trấn; đồng thời, thực hiện thủ tục niêm yết công khai văn bản cần tổng đạt theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật này. Biên bản phải được lưu trong hồ sơ vụ án.”*

Khoản 2 Điều 178 quy định: *“Trường hợp người được cấp, tổng đạt, thông báo từ chối nhận văn bản tố tụng hoặc vắng mặt thì thực hiện theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 177 của Bộ luật này”.*

Điều 179 quy định:

“1. Việc niêm yết công khai văn bản tố tụng được thực hiện trong trường hợp không thể cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 và Điều 178 của Bộ luật này.

2. Việc niêm yết công khai văn bản tố tụng do Tòa án trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người có chức năng tổng đạt hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đương sự cư trú, nơi cơ quan, tổ chức có trụ sở thực hiện theo thủ tục sau đây:

a) Niêm yết bản chính tại trụ sở Tòa án, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc nơi cư trú cuối cùng của cá nhân, nơi có trụ sở hoặc trụ sở cuối cùng của cơ quan, tổ chức được cấp, tổng đạt, thông báo;

b) Niêm yết bản sao tại nơi cư trú hoặc nơi cư trú cuối cùng của cá nhân, nơi có trụ sở hoặc trụ sở cuối cùng của cơ quan, tổ chức được cấp, tổng đạt, thông báo;

c) Lập biên bản về việc thực hiện thủ tục niêm yết công khai, trong đó ghi rõ ngày, tháng, năm niêm yết.

3. Thời hạn niêm yết công khai văn bản tố tụng là 15 ngày, kể từ ngày niêm yết”.

Như vậy, xét về trình tự thủ tục cấp tổng đạt thì cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định.

Xét về hình thức cấp tổng đạt: Tại Khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về hình thức của “biên bản về việc không thực hiện được việc cấp, tổng đạt”...có xác nhận của đại diện tổ dân phố hoặc Công an xã, phường, thị trấn. Nhưng tại 02 “Biên bản về việc không tiến hành tổng đạt được” lập ngày 13/9/2018 và ngày 08/10/2018, do Tòa án thực hiện ủy thác lập thì không có xác nhận của đại diện tổ dân phố hoặc Công an xã, phường, thị trấn mà thay bằng sự chứng kiến của cán bộ tư pháp phường và xác nhận của Phó chủ tịch phường A thành phố T, tỉnh Long An, là không đúng như quy định của Pháp luật. Tuy nhiên, đây là sai sót về hình thức thể hiện của văn bản cấp tổng đạt, không làm thay đổi bản chất sự việc và không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà D, ngoài ra cấp sơ thẩm không còn vi phạm nào khác nên nghĩ không cần thiết hủy án để xét xử lại như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[6] Từ những phân tích trên cho thấy yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Hồng D, chủ Doanh nghiệp tư nhân H là không có cơ sở, nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, đã có hiệu lực thi hành từ ngày 15/03/2019 thì “Quyết định lãi, lãi suất trong bản án, quyết định của Tòa án” như sau: “Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015”.

Mặc dù nội dung này của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và kháng nghị nhưng xét thấy cần điều chỉnh cho phù hợp với Nghị quyết.

[8] Về án phí phúc thẩm: Người kháng cáo không được chấp nhận yêu cầu nên phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308, Khoản 6 Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Hồng D - chủ Doanh nghiệp tư nhân H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Công ty TNHH C.

Buộc bà Trần Thị Hồng D - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H phải thanh toán cho Công ty TNHH C các khoản nợ theo hợp đồng phân phối số 67-HDPP-HDPP-B2C 2017 ngày 01/12/2016, cụ thể như sau:

- Nợ gốc còn lại là: 240.113.836 (Hai trăm bốn mươi triệu một trăm mười ba nghìn tám trăm ba mươi sáu) đồng;

- Tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là: 63.915.963 (Sáu mươi ba triệu chín trăm mười lăm nghìn chín trăm sáu mươi ba) đồng;

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng theo thỏa thuận tại hợp đồng là: 19.209.107 (Mười chín triệu hai trăm lẻ chín nghìn một trăm lẻ bảy) đồng;

Tổng cộng là: 323.238.906 (Ba trăm hai mươi ba triệu hai trăm ba mươi tám nghìn chín trăm lẻ sáu) đồng.

Trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH C về việc yêu cầu bà Trần Thị Hồng D - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H phải trả cho nguyên đơn tiền thuê Luật sư là 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Hồng D - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.161.945 (Mười sáu triệu một trăm sáu mươi một nghìn chín trăm bốn mươi lăm) đồng.

Công ty TNHH C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.000.000 (Ba triệu) đồng nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.011.835 (Tám triệu không trăm mười một nghìn tám trăm ba mươi lăm) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0022062 ngày 06/10/2017 của Chi

cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH C được hoàn trả lại số tiền chênh lệch 5.011.835 (Năm triệu không trăm mười một nghìn tám trăm ba mươi lăm) đồng.

4. Án phí phúc thẩm:

Bà Trần Thị Hồng D phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 (Hai triệu) đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0023894 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THA DS TP.HCM;
- TAND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thanh Nhân

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

